

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT ĐẮKLẮK CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CHI CỤC TRỒNG TRỌT VÀ **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
BẢO VỆ THỰC VẬT

Số: 10/TBSB - TTBVTV

Đắk Lắk, ngày 15 tháng 10 năm 2017

Kính gửi : - Cục Bảo vệ thực vật
- Trung Tâm Bảo vệ thực vật Miền Trung

THÔNG BÁO TÌNH HÌNH SINH VẬT HẠI THÁNG 10
(Từ ngày 16 tháng 9 đến ngày 15 tháng 10 năm 2017)

I. TÌNH HÌNH KHÍ HẬU, THỜI TIẾT VÀ CÂY TRỒNG:

1. Khí hậu, thời tiết:

Nhiệt độ không khí: trung bình: 22 – 24⁰C; cao nhất: 30- 35⁰C. Thấp nhất: 17 - 20⁰C.

Lượng mưa: 100 - 400 mm.

Nhận xét: Tháng 10, mây thay đổi đến nhiều mây, ngày nắng, chiều tối và đêm có mưa rào và dông rải rác vài nơi, có ngày có nơi xuất hiện mưa vừa đến mưa to. Gió đổi hướng cấp 2-3.

2. Cây trồng:

*** Tiến độ sản xuất vụ Thu Đông năm 2017 (Thống kê đến ngày 10/10/2017).**

Cây trồng	Diện tích (ha)	Giai đoạn sinh trưởng
Ngô	32.084ha/47.615ha	Sinh trưởng: PTTL
Khoai lang	563 ha /1.301 ha	Sinh trưởng: PTTL
Rau xanh	2.024 ha/3.830 ha	Sinh trưởng: Các giai đoạn
Đậu nành	1.707 ha/1.886 ha	Sinh trưởng: Các giai đoạn
Đậu lạc	3.577 ha/4.831 ha	Sinh trưởng: Các giai đoạn - PTTL
Đậu các loại	6.267 ha/2.536 ha	Sinh trưởng: Các giai đoạn -PTTL
Cây hàng năm khác	3.626 ha/2.576 ha	Sinh trưởng: Các giai đoạn

***Tình hình thu hoạch vụ Hè thu 2017 và Diện tích cây lâu năm hiện có**

Cây trồng	Diện tích (ha)	Giai đoạn sinh trưởng
*Tình hình thu hoạch vụ Hè thu năm 2017		
Lúa nước	31.402 ha/49.935ha	Sinh trưởng: Làm đồng, trổ, thu hoạch
Lúa cạn	4.924 ha/ 8.518 ha	Sinh trưởng: Trổ, thu hoạch
Ngô	61.197ha/61.197ha	Sinh trưởng: Trổ cở, phun râu, thu hoạch
Khoai lang	1.417 ha/3.158 ha	Sinh trưởng: Tạo củ, thu hoạch
Rau xanh	3.832 ha/3.832 ha	Sinh trưởng: Thu hoạch
Đậu nành	1.238 ha/1.238 ha	Sinh trưởng: Thu hoạch
Đậu xanh	8.327 ha/8.327 ha	Sinh trưởng: Thu hoạch
Đậu lạc	1.127 ha/2.127 ha	Sinh trưởng: Thu hoạch

Đậu các loại	9.410 ha/9.410 ha	Sinh trưởng: Thu hoạch	
Mía	0ha/19.121ha	Giai đoạn vươn lóng	
Sắn	0ha/33.493 ha	Các giai đoạn sinh trưởng	
Cây hàng năm khác	4.434 ha/10.276 ha	Sinh trưởng: Các giai đoạn sinh trưởng	
*Diện tích cây lâu năm hiện có			
Cây cà phê	203.737	Sinh trưởng: Giai đoạn chắc xanh, chín bói	
Cây tiêu	27.588	Sinh trưởng: Quả chắc xanh	
Cây cao su	38.706	Sinh trưởng: các GDST, Khai thác mủ	
Cây điều	21.143	Sinh trưởng: Ra lá non, chăm sóc	
Ca cao	1.903	Sinh trưởng: Các giai đoạn.	
Cây ăn quả các loại	11.435	Sinh Trưởng: Các giai đoạn.	
Cây trồng khác	891	Sinh trưởng: Các giai đoạn.	

II. TÌNH HÌNH SÂU BỆNH THÁNG 10 NĂM 2017:

1. Trên lúa Hè thu: Giai đoạn trổ, chín thu hoạch:

Sâu cuốn lá TLH: 20-35%, DTN 10 ha (Ea Kar); Tuyến trùng TLH: 2-3%; Chuột TLH: 6-8%, DTN 05 ha (Ea Kar); Bệnh đạo ôn cổ bông: TLB: 5-12%, DTN: 6,3 ha (Kr.Năng, Kr.Păk, Ea Kar); Lem lép hạt TLH: 5-15%, DTN 1,5 ha (Kr.Bông); Khô vắn TLB: 5-10%, DTN 1,5 ha (BMT); Bệnh bạc lá TLH: 7-25%, DTN 5,9 ha (Kr.Bông, BMT, Kr.Păk); Đốm sọc vi khuẩn TLB: 5-30%, DTN 6,5 ha (Kr.Năng, Ea Kar); Bệnh đốm nâu, vàng lá,... gây hại rải rác.

2. Trên cây cà phê: Quả chắc xanh, chín bói

- Rệp sáp TLH: 3-30%, DTN 25,9 ha (Kr.Năng, Ea H'leo, Ea Kar, Lăk); Rệp sáp mềm xanh TLH: 20-25%, DTN 14 ha (Ea Kar); Sâu đục thân TLH: 15-25%, DTN 11 ha (Ea Kar); Tuyến trùng TLH: 3-5%;

- Mọt đục cành, quả TLH: 5-12%, DTN 05 ha (Kr.Năng); Bọ cánh cứng TLH: 2-5%.

- Nấm hồng TLH: 5-20%, DTN 8,7 ha (Kr.Păk, EaHleo, Kr.Năng); Rỉ sắt TLB: 5-25%, DTN 12,9 ha (Kr.Năng, Kr.Păk, Ea Kar); Thán thư TLH: 5-35%, DTN 13,5 ha (Kr.Năng, Ea Kar).

- Đốm mắt cua TLH: 5-12%, DTN 3,5 ha (Kr.Năng); Khô cành TLH: 5-15%, DTN 3ha (Kr.Năng, Kr.Păk); Bệnh khô quả TLB: 3-12%, 04 ha (Ea Hleo, Kr.Păk).

3. Trên cây tiêu:

- Rệp sáp hại gốc TLH: 3-35%, DTN 10,8 ha (Ea Hleo, Kr.Năng, Ea Kar); Tuyến trùng TLH: 5-25%, DTN 22,7 ha (Kr.Năng, TX Buôn Hồ, Ea Hleo, Ea Kar).

- Rệp sáp hại chùm quả TLH: 3-10%; Bọ xít lười TLH: 5-13%, DTN 06 ha (Kr.Năng);

-Vàng lá chết nhanh TLH: 3-15%, DTN 20,8 ha (TX Buôn Hồ, Kr.Búk, Kr.Năng, Kr. Păk, Buôn Đôn,...); Thán thư TLH: 5-10%, DTN 17,8 ha (Kr.Năng, Kr.Păk, Cư gar).

-Vàng lá chết chậm TLH: 2-25%, DTN 33,62 ha (Kr.Năng, Ea H'leo, Ea Kar, Kr.Búk, Cư Mgar, Cư Kuin,...).

- Tiêu diên (Vi rút) TLH: 5-15%, DTN 08 ha (Kr.Năng, Ea Kar); Đốm lá TLH: 5-13%, DTN 19 ha (Kr.Năng, Ea Kar); Nấm muội đen TLH: 5-12%, DTN 06 ha (Kr.Năng).

4. Trên cây điều: Bọ xít muỗi TLH: 5-25%, DTN 10,2 ha (Ea H'leo, Kr.Năng, Ea Soup); Sâu cuốn lá TLH: 15-30%, DTN 07 ha (Ea Soup); Sâu đục thân TLH: 2-5%.

- Bệnh thán thư TLH: 5-20%, DTN 5,6 ha (Kr.Năng, Kr.Pắc); Đốm tảo TLH: 3-5%.
- 5. **Trên cây ca cao:** Bọ xít muỗi TLH: 5-15%, DTN 11 ha (Kr.Năng, Ea Kar); Rệp sáp TLH: 5-35%, DTN 8,5 ha (Kr.Năng, Ea Kar); Nấm hồng: TLH 1-4%; Khô quả TLB: 25-30%, DTN 06 ha (Ea Kar); Khô thân TLH: 5-12%, DTN 01 ha (Ea Kar), Nấm muội đen TLH: 15-25%, DTN 04 ha (Ea Kar).
- 6. **Trên cây cao su:** Nấm hồng TLH: 5-12%, DTN 05 ha (Kr.Năng); Loét sọc miệng cao TLB: 5-25%, DTN 1,9 (Ea Hleo); Bệnh đốm mắt chim TLB: 5-25%, DTN 1,8 ha (Ea Hleo); Phần trắng TLH: 3-5% gây hại rải rác.
- 7. **Trên cây rau các loại:**
 - + **Rau ăn lá (cải ngọt, cải dưa,...):**
 - Sâu xanh MĐ: 3-6 con/m²; Bọ nhảy MĐ: 5-10c/m²; Đốm lá TLB: 5-10%; Thối nhũn vi khuẩn TLB: 2-5%; Sương mai TLB: 3-5%.
 - + **Rau ăn quả (Đậu cove, dưa leo, bầu bí):** Sâu đục quả TLH: 2-5%; Héo rũ TLH: 1-3; Lở cổ rễ TLH: 1-2%; Sương mai TLH: 2-6%.
- 8. **Trên cây mía:** Đốm lá TLH: 5-10%; Rệp sáp TLH 2-6%; Sâu đục thân TLH: 3-5%.
- 9. **Trên cây sắn:** Nhện đỏ TLH: 5-10%; Rệp sáp bột hồng TLH: 2-6%; Đốm lá TLB: 3-10%; bệnh chổi rồng gây hại rải rác.
- 10. **Trên ngô, đậu đỗ Hè thu:** Giai đoạn cây con, PTTL: Sâu ăn lá TLH: 2-3c/m²; Rệp muội TLH: 5-6%; Đốm lá TLH: 3-10%.
- 11. **Trên rừng trồng:** Mối TLH: 3-10%; Sâu ăn lá TLH: 5-12%; Bệnh phần trắng TLB: 5-20%; Đốm lá TLB: 5-15%; Bệnh chết héo TLH 5-20%, DTN 07 ha (Lắk).
- 12. **Trên cây sầu riêng:** Sâu đục thân, một đục cành, rệp sáp gây hại rải rác.
- 13. **Trên cây có múi (cam quýt):** Bệnh sẹo TLH: 20-25%, DTN 10 ha (Ea Kar), Bệnh cháy gom (xì mù): 5-12%, DTN 06 ha (Ea Kar); Sâu vẽ bùa TLH: 25-30%, DTN 06 ha (Ea Kar), Nhện đỏ TLH: 15-20%, DTN 06 ha (Ea Kar), sâu đục quả gây hại rải rác.
- 14. **Chanh leo:** Vi rút TLH: 5-13%, DTN 11 ha (Ea Kar); Bệnh đốm nâu TLB: 5-14%, DTN 09 ha (Kr.Năng).

III. DỰ BÁO TÌNH HÌNH SÂU BỆNH THÁNG 11/2017:

1. Trên lúa:

***Lúa Hè thu:** Sâu cuốn lá nhỏ, sâu cuốn lá lớn, đạo ôn, bạc lá, khô vằn... có khả năng phát sinh gây hại tăng dần trên các trà lúa muộn.

2. **Trên cây cà phê:** Rệp sáp giảm, gây hại rải rác. Rệp sáp mềm xanh, một đục quả, bệnh gỉ sắt, nấm hồng, tuyến trùng... phát sinh gây hại tăng dần.

3. **Trên cây tiêu:** Bệnh chết nhanh, chết chậm, thán thư, đốm lá, bọ xít lưới, bọ xít muỗi... phát sinh gây hại rải rác.

4. **Trên rau các loại:** Sâu khoang, sâu xanh, sâu đục quả, bệnh thối nhũn vi khuẩn gây hại tăng, héo xanh, đốm lá, thán thư tiếp tục gây hại rải rác.

5. **Trên ngô, đậu :** Sâu ăn lá, bệnh đốm lá, lở cổ rễ, thối rễ gây hại rải rác.

6. **Trên cây sắn:** Rệp sáp bột hồng, nhện đỏ, bệnh chổi rồng tiếp tục gây hại rải rác, bệnh đốm lá, cháy lá vi khuẩn gây hại rải rác.

7. **Trên cây điều:** Bọ xít muỗi, rệp sáp, sâu đục thân, cành, bệnh thán thư gây hại rải rác các vườn chăm sóc kém.

8. **Trên ca cao:** Bọ xít muỗi, sâu đục thân, bệnh thối quả, khô ngược cành, loét thân... gây hại rải rác.

9. **Trên cây mía:** Sâu đục thân, sùng đục gốc, đốm lá, phát sinh gây hại rải rác.

10. Trên cây cao su: Bệnh xỉ mũ thân cành, loét sọc miệng cạo, nấm hồng phát sinh gây hại rải rác.

11. Cây rừng trồng: Sâu róm thông, Sâu đục thân, mối, bệnh đốm lá, chết héo, thán thư và các đối tượng sâu, bệnh hại khác gây hại rải rác.

12. Cây sầu riêng, cam quýt: Sâu tiện vỏ, dòi đục lá, sâu đục thân, mọt đục thân cành, thán thư, bệnh vàng lá gân xanh gây hại rải rác.

IV. ĐỀ NGHỊ: Các trạm Trồng trọt và BVTV tiếp tục tăng cường công tác kiểm tra đồng ruộng.

*** Trên cây lúa:**

- Chỉ đạo việc gieo sạ nhanh hết diện tích lúa Hè thu, tiến hành chăm sóc bón phân kịp thời cho các diện tích lúa gieo sạ sớm.

- Hướng dẫn bà con nông dân thường xuyên kiểm tra đồng ruộng, phát hiện kịp thời các đối tượng bọ trĩ, sâu cuốn lá, đạo ôn, vàng lá, chuột, OBV...trên các cánh đồng để chủ động các biện pháp phòng trừ hiệu quả.

*** Trên cây cà phê:** Hướng dẫn nông dân chăm sóc, bổ sung dinh dưỡng kịp thời, phát hiện sớm các đối tượng sâu bệnh hại để có hướng xử lý kịp thời

*** Trên cây tiêu:**

-Tiếp tục theo dõi sát diễn biến của bệnh vàng lá chết nhanh, chết chậm, rệp sáp hại rễ...hướng dẫn người sản xuất thực hiện các biện pháp vệ sinh đồng ruộng, xử lý thuốc phòng trừ bệnh định kỳ nhằm hạn chế bệnh vàng lá chết nhanh gây hại (Theo quy trình phòng chống bệnh chết nhanh, chết chậm của Cục BVTV).

*** Trên cây sắn:**

-Tiếp tục kiểm tra theo dõi sát diễn biến rệp sáp bột hồng, nhện đỏ trên các vùng sắn tại huyện Krông Bông và các vùng khác trong tỉnh, có biện pháp xử lý kịp thời, tránh để lây lan ra diện rộng.

*** Trên cây điều, cao su, ca cao và cây rừng trồng.**

- Tiếp tục theo dõi các đối tượng: bọ xít muỗi hại điều, loét sọc miệng cạo, thán thư, thối quả ca cao; bệnh phấn trắng, trên cây cao su và bệnh chết héo trên cây rừng trồng để chủ động các biện pháp phòng trừ kịp thời khi dịch hại phát sinh (Chi tiết theo CV số 273/CV-BVTV ngày 9/9/2015 và CV số 111/TTBVTV-BVTV ngày 29/3/2016 gửi Cty TNHHMTV Lâm nghiệp Lắc).

*** Cây trồng khác:** Khuyến cáo nông dân áp dụng biện pháp phòng trừ tổng hợp (IPM), hạn chế sử dụng thuốc BVTV độc hại, phun thuốc BVTV theo nguyên tắc 4 đúng và đảm bảo thời gian cách ly khi sử dụng thuốc BVTV.

Nơi nhận:

- Sở NN & PTNT (Báo cáo);
- Lãnh đạo CC (Báo cáo);
- TT.BVTV Miền Trung;
- Các trạm TT&BVTV huyện, thị, TP (thực hiện);
- Trang Web (CC.TT&BVTV);
- Lưu VT- P.BVTV (R.25b).



Vũ Thị Thanh Bình

DIỆN TÍCH, MẬT ĐỘ, TỶ LỆ VÀ PHÂN BỐ MỘT SỐ SINH VẬT GÂY HẠI CHÍNH

Trong tháng 10 năm 2017



Cây trồng	SVGH	GDST	Mật độ/Tỷ lệ		Diện tích nhiễm (ha)				Mất trắng	Số kỳ trước	Số CKNT	DT P. trừ	Phân bố
			Phổ biến	Cao	Nhẹ	TB	Nặng	Tổng					
</													



DIỆN TÍCH, MẬT ĐỘ, TỶ LỆ VÀ PHÂN BỐ MỘT SỐ SINH VẬT GÂY HẠI CHÍNH

Trong tháng 10 năm 2017

	Bệnh thán thư	Quả xanh, chín bói	5-12	35	13,5	0	13,5				Kr.Năng, Ea Kar
	Bệnh khô cành	Quả xanh, chín bói	5-12	15	3	0	3				Kr.Năng, Kr.Păk.
	Bệnh khô quả	Quả xanh, chín bói	3	12	4	0	4				Ea Hleo, Kr.Păk.
	Bệnh đốm mắt cua	Quả xanh, chín bói	5	12	3,5	0	3,5				Kr.Năng
Cao su	Bệnh loét sọc	Các giai đoạn	5	25	1,9	0	1,9				Ea H'leo
	Bệnh đốm mắt chim	Các giai đoạn	5	25	1,8	0	1,8				Ea Hleo
	Bệnh nấm hồng	Các giai đoạn	5	12	5	0	5				Kr.Năng
Điều	Bệnh thán thư	Chăm sóc	5	20	5,6	0	5,6				Kr.Năng, Kr Păk.
	Bọ xít muỗi	Chăm sóc	5	25	10,2	0	10,2				Kr.Năng, Ea Hleo, Ea Soup.
	Sâu cuốn lá	Chăm sóc	15	30	7	0	7				Ea Soup
Hồ tiêu	Bệnh chết chậm	Quả xanh	2-8	10-25	33,62	0	33,62				Kr.Năng, , Ea H'leo, Cư Kuin, Ea Kar, Kr.Búk, Kr Bông, Cư Mgar,...
	Bệnh chết nhanh	Quả xanh	3-8	10-15	20,8	0	20,8				TX Buôn Hồ, Kr.Búk, Kr.Năng, Kr.Păk, Buôn Đôn, Kr.Bông,...
	Bệnh tuyến trùng	Quả xanh	5-15	20-25	22,7	0	22,7				Kr.Năng, TX Buôn Hồ, Ea Hleo, Ea Kar
	Rệp sáp	Quả xanh	3-12	30-35	10,8	0	10,8				EaHleo, Kr.Năng, Ea Kar
	Bệnh thán thư	Quả xanh	5	10	17,8	0	17,8				Kr.Năng, Kr.Păk, Cư Mgar
	Bệnh đốm lá	Quả xanh	5	13	19	0	19				Kr.Năng, Ea Kar
	Bọ xít lưới	Quả xanh	5	13	6	0	6				Kr.Năng
	Bệnh tiêu diện	Quả xanh	5	15	8	0	8				Kr.Năng, Ea Kar
	Bệnh muội đen	Quả xanh	5	12	6	0	6				Kr.Năng

DIỆN TÍCH, MẬT ĐỘ, TỶ LỆ VÀ PHÂN BỐ MỘT SỐ SINH VẬT GÂY HẠI CHÍNH

Trong tháng 10 năm 2017

Nhóm cây: Cây lâm nghiệp												
Keo lai	Bệnh chết héo	Các giai đoạn	5	20	7	0	7					Lăk
Nhóm cây: Lúa nước												
Lúa	Sâu cuốn lá	Trở, chín thu hoạch	20	35	10	0	10					Ea Kar
	Đạo ôn cổ bông	Trở, chín thu hoạch	5	12	6,3	0	6,3					Kr.Năng, Kr.Păk, Ea Kar
	Lem lép hạt	Trở, chín thu hoạch	5	15	1,5	0	1,5					Kr.Bông
	Khô Vằn	Trở, chín thu hoạch	7	10	1,5	0	1,5					BMT
	Bệnh Bạc lá	Trở, chín thu hoạch	7-12	20-25	5,9	0	5,9					BMT, Kr.Păk, Kr.Bông
	Đốm sọc VK	Trở, chín thu hoạch	5-11	25-30	6,5	0	6,5					Kr.Năng, Ea Kar
	Chuột	Trở, chín thu hoạch	6	8	5	0	5					Ea Kar

